TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/DSST
Ngày: 23 - 8 - 2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hướng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Doãn Đức

2/ Bà Trần Thị Hồng Ngọc

- **Thư ký phiên tòa***:* Ông Nguyễn Mạnh Tuấn – Thư ký tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai** tham gia phiên tòa*:* Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Ngày 23/8/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 97/2018/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXX-ST ngày 14/6/2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1972
Địa chỉ: 152/4, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.
* Bị đơn: Bà Nguyễn Kim C, sinh năm 1968
Địa chỉ: số K2/48C, ấp T, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:*** Vào năm 2013 bà L có cho bà C vay số tiền 1.300.000.000đ, thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng. Khi vay không viết giấy vay tiền và không thỏa thuận thời gian trả nợ. Quá trình vay bà C không trả bất kỳ khoản lãi và gốc nào. Sau đó đến ngày 25/9/2016, bà C có viết giấy xác nhận nợ gốc là 1.130.000.000đ và tiền lãi hai bên thống nhất từ ngày 14/3/2016 đến ngày 14/9/2016 là 60.000.000đ và bà C cam kết thời hạn trả nợ là 01 tháng kể từ ngày 25/9/2016 đến ngày 25/10/2016. Đối với khoản lãi từ năm 2013 đến ngày 14/3/2016

do bà C xin bớt nên hai bên đã thống nhất thỏa thuận và chỉ ghi nợ lãi từ ngày 14/3/2016 đến ngày 14/9/2016 là 60.000.000đ.

Kể từ thời gian vay cho đến nay bà C không trả cho bà L được khoản tiền nào. Vì vậy, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà C phải trả cho bà L số tiền nợ gốc là 1.130.000.000đ, khoản tiền nợ lãi từ 14/3/2016 đến ngày 14/9/2016 là 60.000.000đ và tiền lãi tạm tính từ ngày 25/9/2016 đến ngày 25/12/2017 (15 tháng) là 169.500.000đ. Tổng cộng số tiền gốc và lãi là 1.359.500.000đ. Bà L không yêu cầu bà C trả tiền lãi từ năm 2013 đến ngày 14/3/2016.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án bị đơn bà C không đến làm việc nên không có lời khai:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Nguyễn Kim C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và tiền lãi trong giấy nhận nợ nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[3] Theo đơn khởi kiện thì người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các tình tiết nguyên đơn đưa ra như ngày, tháng, năm viết giấy nhận nợ; quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn đã nhận đầy đủ khoản tiền vay của nguyên đơn. Căn cứ Khoản 1, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác nhận các tình tiết này là sự thật.

[4] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào "Giấy nhận nợ lập ngày 25/9/2016" có chữ ký và chữ viết Nguyễn Kim C thể hiện bị đơn bà Nguyễn Kim C có vay của bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 1.130.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, thời hạn trả tiền nợ là trong tháng 10 năm 2016 và không thế chấp tài sản gì cho nguyên đơn. Ngoài ra, bà C còn xác nhận bà C có nợ bà L số tiền lãi từ ngày 14/3/2016 đến ngày 14/9/2016 với số tiền 60.000.000đ

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Ngày 25/9/2016 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền gốc 1.130.000.000đ, lãi suất thoả thuận 1%/tháng, đồng thời thỏa thuận vào tháng 10 năm 2016 nguyên đơn sẽ trả hết cho bị đơn số tiền nợ đã vay. Nguyên đơn cho rằng bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận và cho đến nay chưa trả khoản tiền nào cho nguyên đơn; quá trình làm việc tại Tòa án do bị đơn không hợp tác nên Tòa án đã yêu cầu bị đơn cung cấp chứng cứ chứng minh về khoản tiền vay cũng như tiền lãi nhưng bị đơn không thực hiện; do đó, với các chứng cứ nguyên đơn cung cấp đã xác định được số nợ gốc là 1.130.000.000đ nên lấy đó làm cơ sở buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn.

[6] Đối với lãi suất: Hợp đồng vay tiền được giao kết giữa bà L và bà C thì các bên thỏa thuận lãi suất cụ thể là 1%/tháng, tiền lãi các bên tự thỏa thuận thống

nhất từ ngày 14/3/2016 đến ngày 14/9/2016 là 60.000.000đ. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tính lãi suất theo thỏa thuận của hai bên và tiền lãi tính từ ngày 25/9/2016 đến ngày 25/12/2017 không trái với quy định của pháp luật là có cơ sở. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất theo thỏa thuận. Tiền lãi được tính từ ngày 25/9/2016 đến ngày 25/12/2017 trên số nợ gốc 1.130.000.000đ là:

1.130.000.000đ x 12%/năm x15 tháng = 169.500.000đ

Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là 1.130.000.000đ + 60.000.000đ + 169.500.000đ = 1.359.500.000đ.

[7] Về án phí :

+ Buộc bị đơn bà C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 1.359.500.000đ = 36.000.000đ + 1.359.500.000đ x 3% = 52.785.000đ.

+ Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.451.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số 006282 ngày 29/01/2018.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về thủ tục tố tụng được Toà án tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng của các đương sự được bảo đảm, riêng bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến giải quyết vụ án: Buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ lãi trước đây là 60.000.000đ; nợ gốc 1.130.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 25/9/2016 đến ngày 25/12/2017 theo quy định của pháp luật. Buộc bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 26, 35, 227 Bộ luật tố tụng dân sự ; các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc bà Nguyễn Kim C có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền nợ 60.000.000đ; nợ gốc 1.130.000.000đ và tiền lãi là 169.500.000đ. Tổng cộng là 1.359.500.000đ (một tỷ ba trăm năm mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí :

+ Buộc bà Nguyễn Kim C phải nộp 52.785.000đ (năm mươi hai triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm .

+ Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim C số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 13.451.000đ (mười ba triệu bốn trăm năm mươi mốt nghìn đồng)

theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí số 006282 ngày 29/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. B;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Xuân Hướng